

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HN&GD-ST

Ngày: 08-8-2023

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Bình;

2/ Ông Mai Thương.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện D Linh tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2023/TLST-HN&GD ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-HN&GD ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2023/QĐST-HNGD ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thân Thị D, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Số 51, đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố 3, thị trấn Vx, huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Tô Đình T, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Số 51, đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố 3, thị trấn Vx, huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, bà Thân Thị D và ông Tô Đình T tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx, huyện D Linh vào năm 2008. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều điểm khác biệt trong đời sống hằng ngày, không thể hòa hợp nên hay dẫn đến cãi vã; bà D và ông T đã cố gắng điều chỉnh rất nhiều để vợ chồng hiểu nhau từ đó có cuộc sống hạnh phúc nhưng tình trạng vẫn không cải thiện, nay bà D nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và ông T đã

thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D ly hôn ông T.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Vx vào năm 2008, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp mặc dù đã cố gắng nhiều là điều chỉnh để vợ chồng hiểu nhau từ đó có cuộc sống hạnh phúc nhưng vẫn không cải thiện, nay ông T nhận thấy mâu thuẫn giữa ông và bà D đã trầm trọng, bà D vẫn yêu cầu kiên quyết ly hôn nhưng ông T không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T khai giữa ông và bà D có với nhau 02 con chung, ông D yêu cầu mỗi người nuôi 01 con chung.

Về tài sản chung và nợ: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Thân Thị D ly hôn ông Tô Đình T.

Về con chung, tài sản chung và nợ: không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Thân Thị D khởi kiện ly hôn đối với bị đơn Tô Đình T; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại khu phố 3, thị trấn Vx, huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện D Linh xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 166, đăng ký ngày 03/12/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx, huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận, có căn cứ khẳng định bà D và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx, huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Bà D và ông T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì ông bà sống chung với nhau như vợ chồng được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của bà D và ông T là do vợ chồng cãi vã, bất đồng quan điểm sống, hiện ông bà đã sống ly thân, không còn quan hệ như vợ chồng; quá trình hòa giải bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn ông T; tuy ông T không đồng ý ly hôn bà D nhưng ông T không có động thái nào tác động để bà D rút đơn khởi kiện và vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống với nhau.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông T.

[3.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp nuôi con; ông T khai giữa ông và bà D có 02 con chung và yêu cầu mỗi người nuôi 01 con chung, nhưng ông T không thực hiện thủ tục khởi kiện tranh chấp về nuôi con theo đúng quy định; do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tranh chấp về nuôi con trong vụ án này. Các bên đương sự có quyền khởi kiện để Tòa án có thẩm quyền giải quyết trong vụ án dân sự khác.

[3.3] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà D và ông T về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D Linh tham gia phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 138; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị D.

1. Về hôn nhân: Bà Thân Thị D ly hôn ông Tô Đình T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 166, đăng ký ngày 03/12/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vx, huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận giữa bà Thân Thị D và ông Tô Đình T hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết trong vụ án này.

3. Về án phí: Bà Thân Thị D phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0015129 ngày 02/6/2023. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện D Linh;
- Chi cục THADS huyện D Linh;
- UBND TT. Vx;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận